

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2022/HS-PT
Ngày:13/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Hồ Dương Liêm.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Quốc Tuấn;
2. Ông Phạm Văn Diệp.

- Thư ký phiên tòa: ông Đặng Minh Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 192/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Dương Hoàng Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Dương Hoàng Đ, sinh ngày 18 tháng 7 năm 1995, tại: tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: nhà số 306, tổ 5, khu phố 4, thị trấn V, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn M và bà Võ Thị T; tiền án, tiền sự: chưa có; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Phạm Văn T và ông Nguyễn Văn Tr- Luật sư của Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh. Ông Tr có mặt, ông T vắng mặt.

- Bị hại: chị Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 02/02/2000; nơi cư trú: ấp Xóm M, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Dương Hoàng Đ, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 02/02/2000 cả hai có mối quan hệ tình cảm yêu thương khi V đang học lớp 9 và Đ đang là bộ đội. Quen nhau đến tháng 02 năm 2015, Đ và V cùng vào nhà nghỉ T tại ấp T, xã Thái Bình, huyện C, tỉnh Tây Ninh và nhà nghỉ Hoa Dầu tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh để quan hệ tình dục với nhau nhiều lần; đến khoảng tháng 4 năm 2015 thì V có thai (lúc này V được xác định là 15 tuổi 03 tháng). Khi biết V có thai, gia đình của Đ và gia đình của V tổ chức đám cưới tại nhà của V vào khoảng tháng 9 năm 2015 (không đăng ký kết hôn), V về nhà Đ chung sống, ngày 01/02/2016, V sinh 01 con trai tên Nguyễn Hoàng D. Trong thời gian chung sống giữa Đ và V phát sinh mâu thuẫn nên V về nhà cha, mẹ ruột sinh sống. Đến ngày 02/3/2021, V làm đơn tố cáo Đ đã có hành vi giao cấu với V khi V chưa đủ 16 tuổi.

Kết luận Giám định pháp y về tình dục số 14/2021/TD ngày 16/3/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tây Ninh kết luận: “Nguyễn Thị Thúy V, sinh năm 2000 có màng trinh rách cũ vị trí 02 giờ, 06 giờ, 08 giờ và 11 giờ”.

Kết luận giám định số 1861/C09B ngày 02/4/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “cháu Nguyễn Hoàng D có mối quan hệ huyết thống cha con, mẹ con với Dương Hoàng Đ và Nguyễn Thị Thúy V”.

Kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 2254/C09B ngày 20/4/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “quá trình khám lâm sàng và kết quả cận lâm sàng, xác định tại thời điểm giám định (tháng 4/2021) Nguyễn Thị Thúy V có thể chất và hệ răng xương đã phát triển hoàn thiện như người trưởng thành, không đủ cơ sở khoa học kết luận chính xác độ tuổi”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Dương Hoàng Đ phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”. Xử phạt bị cáo Dương Hoàng Đ 02 (hai) năm tù.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07 tháng 10 năm 2021, bị cáo Dương Hoàng Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, bị cáo nộp tiền án phí sơ thẩm 500.000 (năm trăm nghìn) đồng tại biên lai thu số 0003814 ngày 15-12-2021 tại Chi cục Thi hành dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo với lý do là lao động chính, cha mẹ già yếu.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, đề nghị: Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì không có căn cứ để giảm hình phạt và cho hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo với lý do, sự việc đã xảy ra hơn 4 năm, hậu quả, tác hại và tính nguy hiểm của xã hội đối với hành vi bị cáo gây ra không còn nữa, bị cáo cũng đã trưởng thành, con cũng đã lớn, bị cáo cũng đã ăn năn hối cải thật thà khai báo về hành vi phạm tội của mình nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2021 bị cáo Dương Hoàng Đ có đơn kháng cáo. Qua xem xét đơn về trình tự, thủ tục kháng cáo của bị cáo phù hợp với quy định tại Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tòa án cấp sơ thẩm quy kết của bị cáo Dương Hoàng Đ là người đã thành niên đã có hành vi nhiều lần quan hệ tình dục với bị hại Nguyễn Thị Thúy V khi V mới 15 tuổi 03 tháng làm V có thai và sinh con là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như kết luận giám định về quan hệ huyết thống, lời khai nhận của bị cáo, lời khai của cha mẹ bị hại và các chứng cứ khác xác nhận độ tuổi của V là có căn cứ; đồng thời kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” được quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật. Bị cáo xác nhận Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội *Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” là đúng và không kháng cáo về tội danh đã định.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Dương Hoàng Đ xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

Khi quyết định hình phạt cho bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá hành vi “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của bị hại; đồng thời, cũng xem xét đánh giá bị cáo là người có đầy đủ nhận thức và năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ chị Nguyễn Thị Thúy V là người chưa thành niên đang ở độ tuổi không được phép quan hệ tình dục, nhưng bị cáo lợi dụng sự ngây ngô, dễ dãi và kém hiểu biết kiến thức về giới tính, chưa nhận thức hết hậu quả của việc quan hệ tình dục khi tuổi đời chỉ 13 đến dưới 16 tuổi của bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi nhằm thỏa mãn nhu cầu tình dục của cá nhân, bất chấp quy định cấm của pháp luật và cố ý thực hiện hành vi quan hệ dẫn đến hậu quả là chị Nguyễn Thị Thúy V mang thai; Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự đã quyết định xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt là đã thể hiện tính khoan hồng, tính nhân đạo của Nhà nước; bị cáo có 02 tình tiết định khung tại khoản 2 Điều 145 và thuộc trường hợp nghiêm trọng nên không đủ điều kiện được hưởng án treo; tại cấp phúc thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ bổ sung để làm tình tiết giảm nhẹ hình phạt, lời bào chữa của Luật sư tại Tòa cũng không có căn cứ, không thuyết phục

nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên hình phạt mà bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo.

[4] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo Dương Hoàng Đ **không** được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị được quy định tại Điều 343 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, d khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Hoàng Đ; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2021/HS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh; phạt bị cáo Dương Hoàng Đ **02 (hai)** năm tù về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Án phí: áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Dương Hoàng Đ phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I. TANDTC. tại Hà Nội;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND. tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng PV06.CA tỉnh TN;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp TTN;
- Bị cáo;
- Phòng KTNV&THA.TATTN;
- Phòng Hành chánh tư pháp TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ, tập án, lưu trữ.

Hồ Dương Liêm